

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **21/2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 15/8/2022

V/v: “*Ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Khoa

2. Bà Phạm Thị Bích Lệ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Khánh Dung - Kiểm sát viên.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bá Văn Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1980

Nơi ĐKKH: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Lê Xuân T1, sinh năm 1970

Nơi ĐKKH: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T1 xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2001 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo đạo cho vợ chồng bà.

Vợ chồng bà không đăng ký kết hôn vì không am hiểu pháp luật.

Cuộc sống chung vợ chồng sau khi xác lập quan thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không có tiếng nói chung ông T1 nhậu nhẹt về là kiếm chuyện với bà, ông T1 chi li trong tiền bạc, nhiều lần ông T1 đánh đập và nhục mạ bà. Vì các con bà đã tha thứ cho ông T1 nhiều lần nhưng ông T1 không thay đổi.

Ông T1 đã nhiều lần xin lỗi hứa sẽ thay đổi nhưng không thay đổi.

Bà không còn tình cảm với ông T1 nên tháng 09/2021 bà làm đơn ly hôn với ông Lê Xuân T1 tại Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình nhưng Tòa án Bắc Bình hòa giải đoàn tụ và ông T1 cũng năn nỉ cho ông T1 một cơ hội nên bà cũng đồng ý rút đơn nhưng sau đó ông T1 vẫn không có sự thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn nên vợ chồng không thể hàn gắn được.

Ngoài ra ông T1 nghi ngờ bà có quan hệ với người khác là không có, bạn bè bà có rủ uồng cả phê và chơi với nhau nhưng do ông T1 ghen tuông quá.

Tại Tòa hôm nay bà tha thiết được ly hôn với ông Lê Xuân T1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung

Lê Hoàng Anh – sinh ngày 18/01/2001

Lê Xuân Nam – sinh ngày 13/7/2006

Lê Nguyễn Phương Trang – sinh ngày 23/9/2014

Hiện Hoàng Anh đã trưởng thành, nguyện vọng của N và T2 là ở với mẹ nên bà tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục N và T2 đến khi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Xuân T1 trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Hồng T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2001 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và hai bên có tổ chức lễ cưới theo đạo cho ông và bà T.

Vợ chồng ông có đăng ký kết hôn nhưng hiện nay giấy kết hôn không thấy do bị thất lạc.

Cuộc sống chung vợ chồng sau khi xác lập quan hệ thì rất khó khăn nên ông phải T1 toán để cuộc sống vợ chồng đỡ cơ cực chứ ông không chi li tiền bạc như bà T trình bày. Ông xác nhận là có nhậu nhẹt vì làm nghề tài xế xe nên phải có nhậu nhẹt cho đỡ buồn và khi nhậu nhẹt thì đôi lúc ông cũng có những lời nói không dễ

nghe nên vợ chồng hay xung đột.

Năm 2008 ông nghe vợ ông có những mối quan hệ không rõ ràng ông hỏi thì vợ nói không có nhưng hàng xóm ai cũng biết, vì không muốn các con thiếu thốn tình cha mẹ nên ông cố gắng hòa giải vợ chồng.

Năm 2018 bà T lại tiếp tục có những mối quan hệ không đàng hoàng như nhắn tin, điện thoại cho những người khác giới, ông nói thì bà T không sửa T1 mà còn lớn tiếng gây gổ lại với ông, vì các con ông đã khuyên bà T nhiều lần nhưng bà T vẫn không thay đổi.

Năm 2021 bà T làm đơn ly hôn và Tòa án đã hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ.

Ông đã hứa với vợ con là sống sẽ sửa đổi không rượu chè nhưng bà T dạo này lại tập bạn bè cà phê với nhiều người không quan tâm chồng con. Ông nói thì bà T không nghe và làm đơn ly hôn.

Ông không muốn các con phải thiếu thốn tình cảm, bà T làm đơn ly hôn với ông thì để ông suy nghĩ lại rồi mới T1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung

Lê Hoàng A – sinh ngày 18/01/2001

Lê Xuân N – sinh ngày 13/7/2006

Lê Nguyễn Phương T2 – sinh ngày 23/9/2014

Hiện Hoàng A đã trưởng thành, nguyện vọng của con ở với ai thì theo ý con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân pháp luật đúng theo qui định tại Điều 12 BLTTDS, thành phần HĐXX đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, không có trường hợp phải từ chối hoặc phải thay đổi người tiến hành tố tụng. Về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa cũng như phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định tại các Điều 237, Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn: Ông Lê Xuân T1 vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014, Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Lê Xuân T1 là vợ chồng.

- Về con chung: Lê Hoàng A, sinh ngày 18/01/2001 đã trưởng thành. Giao Lê Xuân N, sinh ngày 13/7/2006 và Lê Nguyễn Phương T2, sinh ngày 23/9/2014 cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Lê Xuân T1 có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình, giải quyết vụ án, ông Lê Xuân T1 đã nhận văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án và có mặt khi Tòa án ghi lời khai của ông nhưng đến khi xét xử tại Tòa án ông không có mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho ông T1 đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, do ông Lê Xuân T1 vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T, HĐXX nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Lê Xuân T1 sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2001 đến nay, ông bà đã có với nhau 03 con chung là Lê Hoàng A, Lê Xuân N và Lê Nguyễn Phương T2 mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình nhưng bà T và ông T1 vẫn không đăng ký kết hôn đã vi

phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ủy ban nhân dân xã Phan Rí Thành xác nhận bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Lê Xuân T1 có chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Vì bà T và ông T1 không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Bà T yêu cầu ly hôn ông T1 nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông T1.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà T và ông T1 có 03 con chung là:

Lê Hoàng A – sinh ngày 18/01/2001;

Lê Xuân N – sinh ngày 13/7/2006;

Lê Nguyễn Phương T2 – sinh ngày 23/9/2014;

Hiện Lê Hoàng A đã trưởng thành.

Toà án đã tiến hành ghi lời khai của em N và em T2, nguyện vọng của các em là được ở với mẹ. Ông T1 cũng có ý kiến là theo nguyện vọng các con nên thống nhất giao các con cho bà T nuôi dưỡng và giáo dục Lê Xuân N – sinh ngày 13/7/2006 và Lê Nguyễn Phương T2 – sinh ngày 23/9/2014 đến khi trưởng thành, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Lê Xuân T1 là vợ chồng.

Về con chung: Lê Hoàng A – sinh ngày 18/01/2001 đã trưởng thành. Giao cho bà Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung Lê Xuân N – sinh ngày 13/7/2006 và Lê Nguyễn Phương T2 – sinh ngày 23/9/2014 đến khi trưởng thành, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, khi

cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, bà T đã nộp tại biên lai thu số 0002183, ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, bà Nguyễn Thị Hồng T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn báo cho họ biết có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án

Nơi nhận:

- VKSND (Tỉnh, Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thanh Nữ Kiều Oanh